

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị logistic-208467

Ngày Thi : 13/01/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV301 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11150027	NGUYỄN THỊ MỸ ANH	DH11TM			2,4		4,6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	12122105	NGUYỄN DUY BÌNH	DH12TM			2,6		6,0	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	12122294	ĐÀO BÍCH CHI	DH12TM			2,6		4,6	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	12122006	LÊ THỊ NGỌC CÚC	DH12TM			2,4		6,3	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	12122110	LÊ HOÀNG TRIỆU	DH12TM			2,6		4,9	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	12122296	MAI THỊ DIỄM	DH12TM			2,4		5,6	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12122112	TRẦN THỊ DIỆU	DH12TM			2,4		6,3	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	12122298	PHẠM THỊ PHƯƠNG DUNG	DH12TM			2,8		5,3	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	12122118	PHẠM THỊ MỸ DUYÊN	DH12TM			2,4		6,0	8,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	13122032	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG	DH13TM			2,4		5,6	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	12122122	TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG	DH12TM			2,8		6,0	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	12122123	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	DH12TM			2,6		4,9	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	12122125	TRẦN PHÚC ĐẠT	DH12TM			1,6		4,9	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	12122126	BÙI THỊ THU HÀ	DH12TM			2,8		4,9	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	12122134	HỒ THỊ HẬU	DH12TM			2,9		4,9	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	12122017	PHẠM ĐĂNG HIỀN	DH12TM			2,6		5,6	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	12122104	NGUYỄN THỊ HOA	DH12TM			2,6		4,9	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	(0) 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị logistic-208467

Ngày Thi : 13/01/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV301 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	12122141	NGUYỄN THỊ HÒA	DH12TM	<i>Hoa</i>		2,4		5,3	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	13122295	NGUYỄN THỊ HUYỀN	DH13TM	<i>Huyen</i>		2,8		4,9	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	12122149	NGUYỄN LAN	DH12TM	<i>Thuan</i>		2,4		5,3	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	12122150	NGUYỄN THỊ THU	DH12TM	<i>Thu</i>		2,8		6,0	8,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	12122152	ĐOÀN THỊ THANH	DH12TM	<i>Thanh</i>		2,6		6,0	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	12122285	SƠN TỬ THÁI MỸ	DH12TM	<i>Son</i>		2,4		6,3	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	12122161	ĐÌNH THÙY	DH12TM	<i>Thuy</i>		2,4		4,2	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	12122173	HOÀNG CÔNG LỰC	DH12TM	<i>Luc</i>		1,6		4,9	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13122086	NGUYỄN THỊ TRÚC	DH13TM	<i>Truc</i>		2,9		5,6	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	12122174	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DH12TM	<i>Phu</i>		2,4		4,6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	12122175	TRẦN HUỖNH TRÀ	DH12TM	<i>Mi</i>		2,4		4,2	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	12122034	HUỖNH THANH	DH12TM	<i>An</i>		2,3		3,2	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	12122181	LÊ THỊ TUYẾT	DH12TM	<i>Tuyết</i>		2,6		3,9	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	12122302	NGUYỄN THỊ HƯNG	DH12TM	<i>Nthun</i>		2,6		6,0	8,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	12122183	THOÔNG KIM	DH12TM	<i>Kim</i>		1,9		4,9	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13122108	KIM NGUYỄN	DH13TM	<i>Kim</i>		2,4		5,6	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	12122303	NGUYỄN THỊ THẢO	DH12TM	<i>Thao</i>		2,4		4,6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị logistic-208467

Ngày Thi : 13/01/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV301

Nhóm : 01

Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	12122186	PHẠM THỊ THẢO NGUYỄN	DH12TM			2,4		3,9	6,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
36	12122304	HỒ THỊ TUYẾT NGUYỆT	DH12TM			2,8		4,6	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
37	12122188	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	DH12TM			2,4		4,9	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
38	12122305	TRẦN THỊ NGUYỆT	DH12TM			2,4		3,5	6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
39	13122352	TRẦN ĐẶNG HUỖNH NHƯ	DH13TM			2,4		4,9	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
40	12122041	HUỖNH THỊ MỸ PHÚC	DH12TM			2,8		4,6	7,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
41	12122043	NGUYỄN NGỌC KIM PHƯƠNG	DH12TM			2,8		5	8,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
42	12122213	LÊ NGỌC PHƯƠNG QUỲNH	DH12TM			2,4		3,6	6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
43	12122215	NGUYỄN BẢO QUỲNH	DH12TM			2,4		4,9	7,3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
44	12122219	LÊ HOÀNG ANH THAO	DH12TM			2,4		4,2	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
45	12122224	NGUYỄN THỊ THẢO	DH12TM			2,4		4,2	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
46	12122225	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	DH12TM			2,0		6	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
47	11150067	NGUYỄN BẢO THỊ	DH11TM			1,9		4,6	6,5	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
48	13122161	VÕ THỊ YẾN THỊ	DH13TM			2,4		6	8,4	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
49	12122055	NGUYỄN VĂN THÔNG	DH12TM			2,4		4,2	6,6	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
50	13122398	NGUYỄN HỮU THUẬN	DH13TM			2,4		5,3	7,7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
51	12122235	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	DH12TM			2,4		6,5	8,9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Môn Học : Quản trị logistic-208467

Ngày Thi : 13/01/15 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi TV301 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	Ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
52	13122177	TRẦN THỊ MAI	THY	DH13TM	2	2,5		6	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	12122290	HỒ HỮU	TOÀN	DH12TM	2	2,9		4,9	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	13122185	NGUYỄN THỊ THIÊN	TRANG	DH13TM	2	2,4		5,8	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
55	12122250	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	DH12TM	2	2,8		4,9	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
56	13122417	HUỲNH THỊ MAI	TRÂM	DH13TM	2	2,4		5,6	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	12122251	LÊ HUỲNH NGỌC	TRÂM	DH12TM	2	2,4		4,9	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
58	13122426	NGUYỄN HOÀNG MỘNG	TRÂN	DH13TM	2	2,9		4,9	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
59	12122064	THÁI DƯƠNG HUỲNH	TRÂN	DH12TM	2	1,4		5,6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
60	12122070	KIỀU VŨ THÚY	VI	DH12TM	2	2,4		4,9	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
61	12122271	CAO KHÁNH	VY	DH12TM	2	2,4		4,6	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
62	12122272	LÊ THỊ TƯỜNG	VY	DH12TM	2	2,8		3,9	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
63	12122072	PHAN NGỌC	VY	DH12TM	2	2,4		6,3	8,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	13122448	NGUYỄN THỊ	XINH	DH13TM	2	2,4		5,6	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
65	12122273	NGUYỄN THỊ HOÀI	XUÂN	DH12TM	2	2,4		5,3	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 0 Hiện diện: 65

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Hồng Minh

Phan Thị Lê Hằng